

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2019/KDTM-PT.

Ngày: 25/10/2019.

V/v: “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Nhu.

Các thẩm phán: Bà Nguyễn Thị Lệ Trang.

Bà Hoàng Thị Thu Minh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Út – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa:
Bà Đặng Ngọc Dung – Kiểm sát viên.

Ngày 25/10/2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 32/2019/TLPT-KDTM ngày 12 tháng 9 năm 2019 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 33/2019/QĐ-PT ngày 19/9/2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 70/2019/QĐ-PT ngày 18/10/2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

Trụ sở: Z, đường H, phường Đ, Quận Y, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Đào Mạnh K – Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Hữu N, sinh năm 1988.

Địa chỉ: Z, đường H, phường Đ, Quận Y, thành phố H.

(Văn bản ủy quyền ngày 13/3/2019 – Có mặt)

- Bị đơn: Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa T.

Địa chỉ: F, đường N, khu phố K, phường T, thành phố B, tỉnh Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Hồng L, sinh năm 1967 –
Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng thành viên.

Địa chỉ: V, khu phố Z, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Thế T, sinh năm 1964.

Địa chỉ: A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

2. Ngân hàng TNHH I

Địa chỉ: F, đường N, phường K, Quận P, Thành phố H.

Người đại diện theo pháp luật: LIU,CHUN-H, Chức vụ: Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Phước H1, chức vụ: Phó
phòng quan hệ khách hàng cá nhân.

(Văn bản ủy quyền ngày 14/3/2019 – Có mặt).

3. Bà Nguyễn Thị H2, sinh năm 1964.

Địa chỉ: A, khu phố E, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. (Vắng mặt)

Người kháng cáo: Ngân hàng Thương mại Cổ phần A.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- *Tại đơn khởi kiện đề ngày 22/12/2016; bản tự khai và trong quá trình
xét xử, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:*

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A (sau đây viết tắt là Ngân hàng A) và
Công ty TNHH Bệnh Viện Đa Khoa T (sau đây viết tắt là Công ty T) có ký kết:

Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số: 020/11/TD/XIII ngày
09/03/2011, Phụ lục hợp đồng tín dụng số: 020/11/PLHD/XIII ngày 06/09/2011
và Phụ lục hợp đồng số 020/11/PLHD.2/XIII ngày 23/06/2014. Theo đó, Ngân
hàng A cho Công ty T vay với các nội dung thỏa thuận như sau: Số tiền vay :
25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng). Mục đích vay: Xây dựng bệnh
viện và mua sắm máy móc thiết bị. Thời hạn hiệu lực của hợp đồng tín dụng:
120 tháng kể từ ngày 11/03/2011 đến 11/03/2021. Lãi suất cho vay: 21%/năm và
được quy định trên từng Giấy nhận nợ. Lãi suất thay đổi ngay khi Ngân hàng A
thông báo thay đổi lãi suất. Lãi quá hạn: 150% lãi trong hạn.

Đề bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ theo Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn
số 020/11/TD/XIII ngày 09/03/2011. Công ty T đã ký kết các hợp đồng thế chấp
sau:

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 065B/11/TC/XIII
ngày 15/07/2011. Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị hình thành trong tương
lai (gồm: Máy chụp MRI; Hệ thống phẫu thuật nội soi khớp; Hệ thống chụp X
Quang KTS; Máy siêu âm màu 3D/4D; Hệ thống nội soi tiêu hóa; Máy chụp cắt
lớp vi tính; Bàn mổ đa năng thủy lực điện; Máy hấp tiệt trùng tự động; Máy xét

nghiệm đông máu; Giàn phân phối khí y tế (HT Oxy trung tâm); Máy phát điện; Máy hô hấp + gây mê; Máy sốc tim; Máy theo dõi các dấu hiệu sinh tồn; Máy đo điện tim gắng sức; Máy xét nghiệm sinh hóa tự động; Máy xét nghiệm huyết học tự động; Máy nội soi Tai mũi họng). Tài sản được đăng ký tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng - Cục Đăng ký Quốc gia ngày 15/07/2011.

Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số: 065C/12/TC/XIII ngày 20/11/2012. Tài sản thế chấp là căn nhà tọa lạc tại thửa đất số 117, tờ bản đồ 38; địa chỉ 148A, khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, TP. Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai. Hợp đồng thế chấp đã được công chứng tại Văn Phòng công chứng Hoàng Long tỉnh Đồng Nai ngày 20/11/2012.

Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số: 065F/11/TC/XIII ngày 23/06/2014. Tài sản thế chấp là máy móc thiết bị (gồm: Máy chụp MRI 0.3 Tesla Model: AIRIS-VENTO, serial No: KR15995301). Tài sản được đăng ký tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại Đà Nẵng - Cục Đăng ký Quốc gia ngày 23/06/2014.

Ngân hàng A đã giải ngân đúng theo nội dung trong Hợp đồng tín dụng, Công ty T đã thực hiện việc rút vốn vay tại Ngân hàng A với số tiền : 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng) theo các giấy nhận nợ sau : Giấy nhận nợ số 01 ngày 11/03/2011, số tiền rút : 19.000.000.000 đồng (Mười chín tỷ đồng) và Giấy nhận nợ số 02 ngày 17/03/2011, số tiền rút : 6.000.000.000 đồng (Sáu tỷ đồng). Tổng số tiền mà Công ty T đã rút tại Ngân hàng A là 25.000.000.000 đồng (Hai mươi lăm tỷ đồng).

Tính đến ngày 02/7/2019, Công ty T còn nợ Ngân hàng A tổng số tiền là: 14.760.161.147 đồng (Mười bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu một trăm sáu mươi một nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng) trong đó: Nợ gốc: 10.354.000.000 đồng (Mười tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu đồng); Nợ lãi trong hạn: 2.739.390.314 đồng (hai tỷ bảy trăm ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn ba trăm mười bốn đồng); Nợ lãi quá hạn: 1.669.770.833 đồng (một tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng).

Đối với số nợ đã nêu trên Ngân hàng A đã nhiều lần liên hệ và làm việc trực tiếp, thông báo chuyển nợ quá hạn, thông báo về việc thu hồi nợ trước hạn, thông báo yêu cầu khách hàng và bên bảo đảm tự xử lý tài sản đảm bảo để trả nợ vay.... Tuy nhiên, Công ty T đã không thực hiện, vi phạm nghiêm trọng các thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết

Vì vậy, Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T phải trả cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A toàn bộ số tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 02/7/2019 là: 14.760.161.147 đồng (Mười bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu một trăm sáu mươi một nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng) trong đó: Nợ gốc: 10.354.000.000 đồng (Mười tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu đồng); Nợ lãi trong hạn: 2.739.390.314 đồng (hai tỷ bảy trăm ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn ba trăm mười bốn đồng); Nợ lãi quá hạn: 1.669.770.833 đồng (một tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi

nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng) và thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng Thương mại cổ phần A kể từ ngày 03/7/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ.

Trong trường hợp Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T không trả được nợ, Ngân hàng TMCP A yêu cầu xử lý phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số : 065B/11/TC/XIII ngày 15/01/2011, Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số : 065C/12/TC/XIII ngày 20/11/2012, Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số: 065F/11/TC/XIII ngày 23/06/2014 để thu hồi nợ.

- Bị đơn Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa T - đại diện theo pháp luật bà Trần Thị Hồng L trình bày tại bản tự khai:

Bà là người đại diện theo pháp luật của Công ty từ ngày 17/7/2017. Việc vay mượn tiền của Công ty đối với Ngân hàng A trước đó thì bà không biết. Nay Ngân hàng Thương mại cổ phần A khởi kiện thì bà đề nghị giải quyết theo quy định, tài sản đã thế chấp cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A thì đề nghị phát mãi theo quy định nếu như Công ty không trả được nợ.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị H2 và ông Nguyễn Thế T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt, không có bản tự khai nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của ông T, bà H2.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TNHH I - đại diện theo ủy quyền ông H1 trình bày:

Để bảo đảm cho nghĩa vụ trả nợ cho khoản vay dài hạn với số tiền 30.000.000.000đ (Ba mươi tỷ đồng) của Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa T tại Ngân hàng TNHH I, ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị H2 (sau đây gọi chung là “Bên thế chấp”) đã thế chấp cho Ngân hàng TNHH I các tài sản gồm:

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 148A Nguyễn Ái Quốc, khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA191719, số vào sổ cấp GCN: CH06575 (thửa số 112, tờ bản đồ 38) do Ủy ban nhân dân thành phố B cấp ngày 31/05/2010.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại khu phố 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số AB635329, số vào sổ cấp GCN: H00159 (thửa đất số 59, tờ bản đồ 38) do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp ngày 25/04/2005.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại 146B đường Quốc Lộ 1, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BA039381, số vào sổ cấp GCN: CH06689 (thửa đất số 96, tờ bản đồ 38) do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp ngày 25/06/2010.

Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tọa lạc tại phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BD085060, sổ vào sổ cấp GCN: CH07181 (thửa đất số 58, tờ bản đồ 38) do Ủy ban nhân dân thành phố Biên Hòa cấp ngày 05/11/2010.

Hợp đồng thế chấp các Tài sản bảo đảm đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm đúng theo quy định của pháp luật, chi tiết như sau:

Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất (hình thành trong tương lai) số: 46/0514/HĐTCTSHTTTL (số công chứng: 2944, quyền số 06) tại phòng Công chứng số 1, tỉnh Đồng Nai được ký vào ngày 23/06/2014. Ngân hàng TNHH I đã tiến hành thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm trên Trung Tâm Đăng Ký giao dịch tài sản tại Thành phố Hồ Chí Minh cùng ngày 23/06/2014. Bên cạnh đó Ngân hàng TNHH I còn có giấy cam kết viết tay của Ông Nguyễn Thế T và Bà Nguyễn Thị H2 về việc tự nguyện thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai trên các tài sản bảo đảm và Ngân hàng TNHH I có toàn quyền xử lý tài sản bảo đảm.

Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số 46/0514/HĐTC (số công chứng: 2941, quyền số 06) tại phòng Công chứng số 1, tỉnh Đồng Nai được ký vào ngày 23/06/2014. Ngân hàng TNHH I đã tiến hành thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản bảo đảm vào ngày 24/06/2014 và được Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai – Chi Nhánh Biên Hòa xác nhận thời điểm đăng ký: 16 giờ 30 phút ngày 24/06/2014, vào sổ đăng ký giao dịch bảo đảm, quyền số: 65, số đăng ký 25993.000410.TC.VP số thứ tự ghi sổ: 410.

Đến tháng 03/2016, ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị H có nhu cầu hợp thửa 04 (bốn) Quyền sử dụng đất nói trên để hoàn công phần công trình xây dựng trên đất. Do đó ngày 29/03/2016, Ngân hàng TNHH I đã có công văn gửi đến Văn phòng đăng ký quyền sử dụng đất tỉnh Đồng Nai – Chi Nhánh Biên Hòa về việc đồng ý cho hợp thửa 04 (bốn) Quyền sử dụng đất tại phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai để hoàn công. Ngày 25/04/2016 Sở tài nguyên và môi trường tỉnh Đồng Nai đã cấp sổ mới cho ông Nguyễn Thế T và bà Nguyễn Thị H theo giấy chứng nhận Quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CD910980, sổ vào sổ cấp GCN: CS17848 (gọi tắt là “Tài sản bảo đảm mới”).

Ngân hàng TNHH I đã tiến hành thủ tục thế chấp đối với tài sản bảo đảm mới này theo hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 46/0514/HĐTC-01 (số công chứng: 4096, quyền số 10) tại phòng Công chứng số 1, tỉnh Đồng Nai được ký vào ngày 06/10/2016 (thay thế cho Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất số: 46/0514/HĐTC (số công chứng: 2941, quyền số 06) tại phòng Công chứng số 1, tỉnh Đồng Nai được ký vào ngày 23/06/2014). Ngân hàng TNHH I đã tiến hành thủ tục đăng ký giao dịch bảo đảm đối với tài sản bảo đảm mới vào cùng ngày 06/10/2016 và được Văn phòng đăng ký đất đai tỉnh Đồng Nai – Chi nhánh Biên Hòa xác nhận thời điểm đăng

ký: 11 giờ 10 phút ngày 06/10/2016, vào sổ đăng ký giao dịch bảo đảm: quyển số 02, số thứ tự: 958.

Khi thực hiện thế chấp, các bên đã tuân thủ các thủ tục do pháp luật quy định, Tài sản bảo đảm, Tài sản bảo đảm mới đều thuộc trường hợp được thế chấp theo quy định của pháp luật, thuộc sở hữu hợp pháp của Bên thế chấp, không bị kê biên, không bị bất cứ hạn chế nào. Việc Ngân hàng TNHH I cho vay và nhận thế chấp của Bên thế chấp là phù hợp với quy định của pháp luật. Ngân hàng TNHH I hoàn toàn không biết gì về việc tranh chấp giữa nguyên đơn và bị đơn. Vì vậy, đề nghị Quý Tòa không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn liên quan đến các Tài sản bảo đảm, Tài sản bảo đảm mới nói trên.

Tại bản án sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa đã căn cứ vào các Điều 30, 35, 220, 227, 228, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Áp dụng các Điều 342, 343, 355, 471, 474, 476 của Bộ luật Dân sự 2005; Điều 91 Luật tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại cổ phần A về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T.

Buộc Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần A số tiền 14.760.161.147 đồng (Mười bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu một trăm sáu mươi một nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 10.354.000.000 đồng (Mười tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu đồng); Nợ lãi trong hạn: 2.739.390.314 đồng (hai tỷ bảy trăm ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn ba trăm mười bốn đồng); Nợ lãi quá hạn: 1.669.770.833 đồng (một tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số: 020/11/TD/XIII ngày 09/03/2011, phụ lục hợp đồng tín dụng số : 020/11/PLHD/XIII ngày 06/09/2011 và Phụ lục hợp đồng số 020/11/PLHD.2/XIII ngày 23/06/2014 mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tài sản bảo đảm thi hành án gồm:

+ Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai (gồm: Máy chụp MRI; Hệ thống phẫu thuật nội soi khớp; Hệ thống chụp X Quang KTS; Máy siêu âm màu 3D/4D; Hệ thống nội soi tiêu hóa; Máy chụp cắt lớp vi tính; bàn mổ đa năng thủy lực điện; Máy hấp tiệt trùng tự động; Máy xét nghiệm đông máu; Giàn phân phối khí y tế (HT Oxy trung tâm); Máy phát điện; Máy hô hấp + gây mê; Máy sốc tim; Máy theo dõi các dấu hiệu sinh tồn; Máy đo điện tim gắng sức; Máy xét nghiệm sinh hóa tự động; Máy xét nghiệm huyết học tự động; Máy nội soi Tai mũi họng) theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 065B/11/TC/XIII ngày 15/07/2011.

+ Máy móc thiết bị (gồm: Máy chụp MRI 0.3 Tesla Model: AIRIS-VENTO, serial No: KR15995301) theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 065F/11/TC/XIII ngày 23/06/2014.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

2. Về án phí: Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T phải chịu án phí có gia ngạch là: 122.760.161 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn một trăm sáu mươi một đồng).

Trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần A 59.589.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 003540 ngày 18/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 11/7/2019, Ngân hàng Thương mại Cổ phần A kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm số 12/2019/KDTM-ST ngày 03/7/2019 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa do bản án sơ thẩm không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của ngân hàng.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm: Về việc tuân theo pháp luật ở giai đoạn phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung kháng cáo: Bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, buộc Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A toàn bộ số tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 02/7/2019 số tiền 14.760.161.147 đồng, thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ và xác định các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương

lai số: 065B/11/TC/XIII ngày 15/07/2011 và Hợp đồng thế chấp máy móc thi ết bị số 065F/11/TC/XIII ngày 23/06/2014 là tài sản bảo đảm thi hành án là có căn cứ, đúng pháp luật.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số : 065C/12/TC/XIII ngày 20/11/2012, tài sản thế chấp là căn nhà tọa lạc tại thửa đất số 117, tờ bản đồ 38; địa chỉ 148A, khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai không được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mặt khác, tài sản này Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T đã thế chấp cho Ngân hàng TNHH I, việc thế chấp đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật và đã là tài sản bảo đảm thi hành bản án số 44/2018/KDTM-ST ngày 29/11/2018 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa. Do đó, bản án cấp sơ thẩm không đưa tài sản này vào tài sản bảo đảm thi hành án trong vụ án này là đúng pháp luật, yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A là không có cơ sở. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Đơn kháng cáo của nguyên đơn Ngân hàng Thương mại Cổ phần A trong hạn luật định, Ngân hàng đã nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

Bị đơn Công ty TNHH Bệnh viện Đa khoa T; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là ông T, bà H2 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt. Vì vậy, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ pháp luật và tư cách đương sự: Cấp sơ thẩm xác định đúng và đầy đủ.

[3] Về nội dung kháng cáo:

[3.1] Ngân hàng Thương mại Cổ phần A khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T phải trả cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A toàn bộ số tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 02/7/2019 số tiền 14.760.161.147 đồng, trong đó: Nợ gốc 10.354.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 2.739.390.314 đồng, nợ lãi quá hạn 1.669.770.833 đồng và thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A kể từ ngày 03/7/2019 cho đến khi thanh toán hết nợ. Ngân hàng đã xuất trình đầy đủ các chứng cứ như hợp đồng tín

dụng, hợp đồng thế chấp tài sản, giấy nhận nợ,... Các chứng cứ mà Ngân hàng cung cấp là hợp lệ và thể hiện Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T đã vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên đã ký kết. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, buộc Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A toàn bộ số tiền nợ vay gốc và lãi tính đến ngày 02/7/2019 số tiền 14.760.161.147 đồng và thanh toán số nợ lãi tiếp tục phát sinh theo mức lãi suất nợ quá hạn được quy định tại Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ đã ký kết với Ngân hàng Thương mại Cổ phần A kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thanh toán hết nợ là có căn cứ.

[3.2] Đối với yêu cầu xử lý phát mãi tài sản bảo đảm theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số : 065B/11/TC/XIII ngày 15/01/2011, Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số : 065C/12/TC/XIII ngày 20/11/2012, Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số : 065F/11/TC/XIII ngày 23/06/2014 để thu hồi nợ, xét thấy:

Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 065B/11/TC/XIII ngày 15/07/2011 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 065F/11/TC/XIII ngày 23/06/2014 đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo quy định của pháp luật. Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, xác định các tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 065B/11/TC/XIII ngày 15/07/2011 và Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 065F/11/TC/XIII ngày 23/06/2014 là tài sản bảo đảm thi hành án là có căn cứ.

Đối với Hợp đồng thế chấp tài sản gắn liền với đất hình thành trong tương lai số : 065C/12/TC/XIII ngày 20/11/2012, tài sản thế chấp là căn nhà tọa lạc tại thửa đất số 117, tờ bản đồ 38; địa chỉ 148A, khu phố 1, đường Nguyễn Ái Quốc, phường Trảng Dài, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai không được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định pháp luật. Mặt khác, tài sản này Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T đã thế chấp cho Ngân hàng TNHH I, việc thế chấp đã được công chứng và đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm không đưa tài sản này vào tài sản bảo đảm thi hành án là có căn cứ.

Vì vậy, không có cơ sở để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A, cần giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Về án phí: Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T phải chịu 122.760.161 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A phải chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Ý kiến và đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đồng Nai về đường lối giải quyết vụ án phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ, nhận định của Hội đồng xét xử và quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 342, 343, 355, 471, 474, 476 của Bộ luật dân sự 2005; Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng năm 2010; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Thương mại Cổ phần A về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T:

Buộc Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T phải thanh toán cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 14.760.161.147 đồng (Mười bốn tỷ bảy trăm sáu mươi triệu một trăm sáu mươi một nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng), trong đó: Nợ gốc: 10.354.000.000 đồng (Mười tỷ ba trăm năm mươi bốn triệu đồng); Nợ lãi trong hạn: 2.739.390.314 đồng (hai tỷ bảy trăm ba mươi chín triệu ba trăm chín mươi nghìn ba trăm mười bốn đồng); Nợ lãi quá hạn: 1.669.770.833 đồng (một tỷ sáu trăm sáu mươi chín triệu bảy trăm bảy mươi nghìn một trăm bốn mươi bảy đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất đã thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng trung và dài hạn số: 020/11/TD/XIII ngày 09/03/2011, phụ lục hợp đồng tín dụng số : 020/11/PLHD/XIII ngày 06/09/2011 và Phụ lục hợp đồng số 020/11/PLHD.2/XIII ngày 23/06/2014 mà hai bên đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này.

Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tài sản bảo đảm thi hành án gồm:

+ Máy móc thiết bị hình thành trong tương lai (gồm: Máy chụp MRI; Hệ thống phẫu thuật nội soi khớp; Hệ thống chụp X Quang KTS; Máy siêu âm màu 3D/4D; Hệ thống nội soi tiêu hóa; Máy chụp cắt lớp vi tính; bàn mổ đa năng thủy lực điện; Máy hấp tiệt trùng tự động; Máy xét nghiệm đông máu; Giàn phân phối khí y tế (HT Oxy trung tâm); Máy phát điện; Máy hô hấp + gây mê; Máy sốc tim; Máy theo dõi các dấu hiệu sinh tồn; Máy đo điện tim gắng sức; Máy xét nghiệm sinh hóa tự động; Máy xét nghiệm huyết học tự động; Máy nội soi Tai mũi họng) theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai số: 065B/11/TC/XIII ngày 15/07/2011.

+ Máy móc thiết bị (gồm: Máy chụp MRI 0.3 Tesla Model: AIRIS-VENTO, serial No: KR15995301) theo Hợp đồng thế chấp máy móc thiết bị số 065F/11/TC/XIII ngày 23/06/2014.

2. Về án phí: Công ty TNHH Bệnh viện đa khoa T phải chịu 122.760.161 đồng (Một trăm hai mươi hai triệu bảy trăm sáu mươi nghìn một trăm sáu mươi một đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần A số tiền 59.589.000 đồng (Năm mươi chín triệu năm trăm tám mươi chín nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai số 003540 ngày 18/01/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa.

Ngân hàng Thương mại Cổ phần A phải chịu 2.000.000 đồng (Hai triệu đồng) án phí dân sự phúc thẩm. Số tiền 2.000.000 đồng tạm ứng án phí Ngân hàng Thương mại Cổ phần A đã nộp theo Biên lai số 0000105 ngày 09/8/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa được trừ vào tiền án phí Ngân hàng Thương mại Cổ phần A phải nộp.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- TAND TP. Biên Hòa;
- Dương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Bá Nhu